

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 8 - 2022.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Duy Thương

2. Bà Lê Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đẹt – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 387/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Hoàng A, sinh năm 1987.

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh T. Địa chỉ tạm trú: Ấp 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Vũ Đức V, sinh năm 1976;

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh T. Địa chỉ tạm trú: Ấp B2, xã Đ1, huyện Đức Hòa, tỉnh L.

(Bà A có mặt, Ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Dương Thị Hoàng A trình bày: Bà và Ông Vũ Đức V chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh T vào ngày 03/2/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu

thuần ngày càng trầm trọng nên bà và Ông V đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với Ông Vũ Đức V.

Về con chung: Quá trình chung sống có một con chung tên Vũ Đức A1, sinh ngày 05/7/2009. Khi ly hôn Bà A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu Ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung trưởng thành 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/6/2022 Ông Vũ Đức V trình bày: Ông và Bà Dương Thị Hoàng A chung sống hợp pháp. Nay Bà A yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống có một con chung tên Vũ Đức A1, sinh ngày 05/7/2009. Khi ly hôn ông đồng ý để Bà A được nuôi dưỡng con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung trưởng thành 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra Ông V có đơn yêu cầu vắng mặt tại các buổi hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn Bà Dương Thị Hoàng A vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Dương Thị Hoàng A khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với Ông Vũ Đức V. Ông Vũ Đức V đang cư trú tại ấp B2, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh L. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

5[1.2] Bị đơn Ông Vũ Đức V có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Ông Vũ Đức V.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Dương Thị Hoàng A:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Bà Dương Thị Hoàng A và Ông Vũ Đức V tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 quyển số 01 đăng ký ngày 03/02/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh T cấp nên hôn nhân giữa Bà A và Ông V là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình chung sống, giữa Bà A và Ông V đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên Bà A yêu cầu được ly hôn với Ông V. Tại bản tự khai ngày 22/6/2022, Ông V có ý kiến đồng ý ly hôn với Bà A. Hội đồng xét xử thấy rằng về quan hệ hôn nhân chứng tỏ mâu thuẫn giữa Bà A và Ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Bà Dương Thị Hoàng A yêu cầu ly hôn với Ông Vũ Đức V là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa Bà Dương Thị Hoàng A với Ông Vũ Đức V.

[2.2] Về con chung: Bà Dương Thị Hoàng A với Ông Vũ Đức V thống nhất trình bày có một con chung tên Vũ Đức A1, sinh ngày 05/7/2009, hiện đang sống với Bà A. Khi ly hôn Bà A và Ông V đều thống nhất để cho Bà A được tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu A1 đang sống ổn định với Bà A và trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Vũ Đức A1, sinh ngày 05/7/2009 có văn bản trình bày nguyện vọng sống chung cùng với Bà A. Do đó, trên cơ sở ý kiến của các đương sự, ý kiến nguyện vọng của con chung, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần chấp nhận giao cháu Vũ Đức A1 cho Bà Dương Thị Hoàng A tiếp tục trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị Hoàng A với Ông Vũ Đức V thống nhất thỏa thuận Ông Vũ Đức V cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Đức A1 mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 08/2022 cho đến khi cháu Vũ Đức A1 đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Dương Thị Hoàng A với Ông Vũ Đức V thống nhất trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Nợ chung: Bà Dương Thị Hoàng A với Ông Vũ Đức V thống nhất trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Dương Thị Hoàng A phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Vũ Đức V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, khoản 1 Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Dương Thị Hoàng A về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung” đối với bị đơn Ông Vũ Đức V.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Hoàng A được ly hôn với Ông Vũ Đức V.

2. Về con chung: Bà Dương Thị Hoàng A được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Vũ Đức A1, sinh ngày 05/7/2009. Ông Vũ Đức V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Đức A1 mỗi tháng 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu Vũ Đức A1 đủ 18 tuổi.

Về thời gian cấp dưỡng: Kể từ tháng 08/2022 cho đến khi cháu Vũ Đức A1 đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Dương Thị Hoàng A với Ông Vũ Đức V thống nhất trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Dương Thị Hoàng A với Ông Vũ Đức V thống nhất trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Dương Thị Hoàng A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010180 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Dương Thị Hoàng A đã nộp xong. Ông Vũ Đức V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Vũ Đức V chưa nộp.

6. Án xử sơ thẩm công khai Bà Dương Thị Hoàng A có mặt có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Vũ Đức V vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- **UBND xã T, huyện V, tỉnh T;**
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Thành

